

Số: 66 /BC-CTY

Bạc Liêu, ngày 28 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO

(Chất lượng nước Tháng 08/2017)

Kính gửi: Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Bạc Liêu

Căn cứ thông tư 50/2015/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2015 quy định việc kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt của Bộ Y tế.

Nay Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu báo cáo việc kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt tại cơ sở với các nội dung như sau:

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở cung cấp nước: Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
2. Địa chỉ: Số 92, đường Lê Duẩn, phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
3. Công suất thiết kế: 22.000 m³/ ngày đêm.
4. Tổng số dân được cung cấp nước: 25.000 hộ
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nguồn nước được khai thác từ 08 giếng khoan nằm trong nội ô thành phố Bạc Liêu sau đó được truyền tải về 2 nhà máy xử lý nước để xử lý.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Kết quả kiểm tra tình trạng vệ sinh

1.1. Tình trạng vệ sinh nguồn nước nguyên liệu:

Công ty luôn quan tâm đến vấn đề vệ sinh khu vực xung quanh các giếng khai thác nước ngầm, khu vực nhà máy xử lý nước và đảm bảo vệ sinh. Không có nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến nguồn nước khai thác.

1.2. Tình trạng vệ sinh ngoại cảnh cơ sở cấp nước:

Không bị ảnh hưởng bởi các tác nhân ngoại cảnh nào trong cơ sở cung cấp nước.

1.3. Tình trạng vệ sinh hệ thống sản xuất nước :

Định kỳ hàng tháng công ty bố trí công nhân vệ sinh hệ thống bể lọc, châm Clo đúng định lượng đảm bảo hệ thống sản xuất nước hợp vệ sinh, đúng qui trình sản xuất nước, không làm ảnh hưởng gì đến các khu vực xung quanh.

2. Kết quả xét nghiệm nước thành phẩm trong tháng

2.1. Số mẫu, thời gian, tần suất xét nghiệm:

2.1.1. Số mẫu, thời gian, tần suất xét nghiệm do Công ty thực hiện:

- Nhà máy nước số 01:

+ Số mẫu: 04 mẫu;



- + Thời gian và tần suất xét nghiệm: 1 tuần /1 mẫu
- Nhà máy nước số 02:
- + Số mẫu: 04 mẫu;
- + Thời gian và tần suất xét nghiệm: 1 tuần /1 mẫu

2.1.2. Số mẫu, thời gian, tần suất xét nghiệm do Trung tâm Y tế dự phòng thực hiện:

- Nhà máy nước số 01: 01tháng/ 01 lần lấy mẫu xét nghiệm lý hóa, vi sinh.
- Nhà máy nước số 02: 01tháng/ 01 lần lấy mẫu xét nghiệm lý hóa, vi sinh.
- Tại các điểm cuối nguồn: 01 tháng/08 lần lấy mẫu xét nghiệm vi sinh.

2.2. Kết quả xét nghiệm:

- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn QCVN 01: 2009/BYT : 05 mẫu . Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 50 %

- Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: 05 mẫu

Trong đó:

+ Số mẫu không đạt về lý, hóa học: 05 mẫu (Nhà máy nước số 01)

+ Số mẫu không đạt về vi sinh vật: 0 mẫu

- Các chỉ tiêu không đạt gồm : Độ cứng tổng cộng (Nhà máy nước số 01).

Kết quả xét nghiệm độ cứng tổng cộng (TB) là **323** mg/l. Cao hơn tiêu chuẩn cho phép (tiêu chuẩn ≤ 300 mg/l). Thuộc mẫu nước đầu nguồn (nước đã qua xử lý)

3. Các biện pháp khắc phục:

Hiện nay công ty giảm thời gian khai thác của giếng nước thô có độ cứng cao tại Nhà máy nước số 1. Tuy nhiên độ cứng tại Nhà máy nước số 2 thấp hơn so với QCVN 01: 2009/BYT, đồng thời nguồn nước ngoài mạng đã được hòa mạng do hệ thống mạng ống nước là mạng vòng do vậy độ cứng ngoài mạng thấp hơn so với kết quả tại nhà máy nước số 1.

4. Kết luận:

- Chất lượng nước công ty đang cung cấp cho nhân dân thành phố Bạc Liêu cơ bản đạt với quy chuẩn QCVN 01: 2009/BYT.

- Áp lực ở mạng lưới cấp nước tại những điểm xa nhất, bất lợi nhất cũng đảm bảo.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP CTY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Minh Trang

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
Số : ...179.../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Bạc Liêu, ngày 05 tháng 08 năm 2017

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý
Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01, Số 92, lê Duẩn, P1, TPBL
Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm
Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 05 tháng 08 năm 2017

Kiểm tra mẫu : ngày 05 tháng 08 năm 2017

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	7
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	7.12
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	316
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	96
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.6
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.1
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.217
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	6.6
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	50
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.06
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.221
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.31

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu có độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn cho phép.

BAN GIÁM ĐỐC XN


Tạ Bửu Quang

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM


Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
Số : ...200.../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Bạc Liêu, ngày 10 tháng 08 năm 2017

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01, Số 92, lê Duẩn, P1, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 10 tháng 08 năm 2017

Kiểm tra mẫu : ngày 10 tháng 08 năm 2017

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	9
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	6.84
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	316
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	94
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.6
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.2
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.185
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	7.2
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	50
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.09
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.373
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.33

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu có độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn cho phép.

BAN GIÁM ĐỐC XN



Tạ Bửu Quang

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
Số : 201...../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 16 tháng 08 năm 2017

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01, Số 92, lê Duẩn, P1, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 16 tháng 08 năm 2017

Kiểm tra mẫu : ngày 16 tháng 08 năm 2017

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	7
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	6.92
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	320
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	98
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.6
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.1
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.196
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	9.3
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	50
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.08
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.477
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.32

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu có độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn cho phép.

BAN GIÁM ĐỐC XN



Tạ Bửu Quang

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
Số : 252.../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 22 tháng 08 năm 2017

PHIẾU KẾT QUA XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01, Số 92, lê Duẩn, P1, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 22 tháng 08 năm 2017

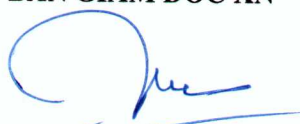
Kiểm tra mẫu : ngày 22 tháng 08 năm 2017

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUA
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	9
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	7.55
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	318
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	102
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.8
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.2
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.275
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	11.6
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	60
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.07
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.356
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.31

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu có độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn cho phép.

BAN GIÁM ĐỐC XN



Tạ Bửu Quang

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

Số : ...203.../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 08 năm 2017

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02, Duy Tân , P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 05 tháng 08 năm 2017

Kiểm tra mẫu : ngày 05 tháng 08 năm 2017

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	7
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	7.14
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	230
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	100
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.4
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.2
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.213
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	5.8
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	40
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.1
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.383
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.3

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT

BAN GIÁM ĐỐC XN



Tạ Bửu Quang

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

Số : ...204.../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 08 năm 2017

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02, Duy Tân , P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 10 tháng 08 năm 2017

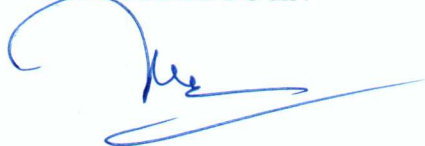
Kiểm tra mẫu : ngày 10 tháng 08 năm 2017

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	7
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	7.3
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	242
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	92
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.6
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.1
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.307
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	6.6
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	60
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.08
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.255
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.3

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT

BAN GIÁM ĐỐC XN



Tạ Bửu Quang

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
Số : 205...../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 16 tháng 08 năm 2017

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02, Duy Tân , P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 16 tháng 08 năm 2017

Kiểm tra mẫu : ngày 16 tháng 08 năm 2017

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	9
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	7.15
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	228
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL B	≤ 300 mg/l	88
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.6
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.1
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.188
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	7.2
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	40
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.06
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.274
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.3

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT

BAN GIÁM ĐỐC XN

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Tạ Bửu Quang



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

Số : ..206.../PXN-XNSXNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 22 tháng 08 năm 2017

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02, Duy Tân , P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 22 tháng 08 năm 2017

Kiểm tra mẫu : ngày 22 tháng 08 năm 2017

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN CHO PHÉP	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW 2005-2120 C	15 TCU	7
2	Mùi	SMEWW 2005-2150 B	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW 2005-2160 B	Không có vị lạ	Không mùi vị
4	pH	TCVN 6492:1999	6.5-8.5	7.42
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW 2005-2340 C	≤ 300 mg/l	232
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW 2005-4500-CL ⁻ B	≤ 300 mg/l	96
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	≤ 2 mg/l	0.6
8	Hàm lượng Mangan	SMEWW 2005-3500-Mn B	≤ 0.3 mg/l	0.1
9	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 2005-4500-NO ₂ ⁻ B	≤ 3 mg/l	0.271
10	Hàm lượng Nitrate	HACH 8039	≤ 50 mg/l	7.74
11	Hàm lượng sulphat	HACH 8051	≤ 250 mg/l	60
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH 8008	≤ 0.3 mg/l	0.09
13	Độ đục	HACH 2100N	2NTU	0.354
14	Clor dư	HACH DR/890	0.3-0.5mg/l	0.3

Kết luận : (Nội kiểm) Mẫu đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT

BAN GIÁM ĐỐC XN



Tạ Bửu Quang

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh